

Số: 1466/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện
Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở năm 2014; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 23, HĐND tỉnh khóa IX;

Theo Thông báo số 134/TB-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp giao ban với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 12/4/2021;

Theo Công văn số 2902/UBND-KTN ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu, thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư các dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư, khu đô thị năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo số 133/BC-SXD ngày 27/5/2021 phê duyệt danh mục Kế hoạch phát triển nhà ở dự kiến thực hiện năm 2021, danh mục Kế hoạch phát triển nhà ở thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương nghiên cứu thực hiện dự án năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021, với các nội dung như sau:

1. Vị trí, khu vực phát triển nhà ở và dự kiến kế hoạch triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở là 100 dự án. Trong đó, số lượng danh mục dự án nhà ở theo các nhóm đối tượng cụ thể như sau:

- Danh mục dự án nhà ở thương mại: 98 dự án;
- Danh mục dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp: 02 dự án.

(Chi tiết Phụ lục kèm theo)

2. Kế hoạch về sử dụng đất để phát triển dự án đầu tư xây dựng nhà ở: diện tích đất ở để phát triển dự án nhà ở khoảng 787 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Đối với các dự án đã có chủ trương thực hiện thủ tục quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (tại Mục A, Phụ lục kèm theo Quyết định):

Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất; tổng hợp hồ sơ trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 2902/UBND-KTN ngày 18/5/2021.

b) Đối với các dự án thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư để thực hiện thủ tục quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (tại Mục B, Phụ lục kèm theo Quyết định):

Lập, trình Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nghiên cứu thực hiện dự án; làm cơ sở thực hiện thủ tục đất đai, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 2902/UBND-KTN ngày 18/5/2021.

2. Sở Xây dựng:

- Đối với các danh mục dự án tại Mục B, Phụ lục kèm theo Quyết định: Trong quá trình tổ chức lập, thẩm định trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nghiên cứu thực hiện dự án; chủ trì, phối hợp với các địa phương, các Sở, Ban, ngành liên quan (nếu có) rà soát, xem xét từng dự án cụ thể đảm bảo phù hợp với định hướng, chỉ tiêu phát triển nhà ở trong Chương trình phát triển nhà ở; tuân thủ các quy hoạch được duyệt; quy chuẩn, tiêu chuẩn quy phạm quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật; về sử dụng đất lúa theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp trong công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh để xác định quy mô, tính chất dự án, chỉ tiêu, tỷ lệ đất ở, hình thức nhà ở và các quy định khác theo quy định pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác liên quan, tham mưu UBND tỉnh đối với từng dự án cụ thể.

- Khẩn trương hoàn thiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030 theo ý kiến của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 và quy định của pháp luật về nhà ở để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua trước khi UBND tỉnh phê duyệt. Lập, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, cập nhật danh mục các dự án này vào Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn địa phương thực hiện các hồ sơ, thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở và các thủ tục khác liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



Phụ lục

Danh mục Kế hoạch phát triển nhà ở thực hiện năm 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2021 của UBND tỉnh
Quảng Nam

Stt	Tên dự án	Diện tích dự án (ha)	Địa điểm
A	Các dự án đã có chủ trương thực hiện thủ tục quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư		
	Tổng cộng	558,10	Đất ở bình quân khoảng 30% diện tích dự án: khoảng 167 ha
I	Huyện Đại Lộc	163,85	
1	Khu đô thị phía Đông thị trấn Ái Nghĩa giai đoạn 1	32,80	thị trấn Ái Nghĩa
2	Khu dân cư Khu 5 thị trấn Ái Nghĩa	42,27	thị trấn Ái Nghĩa
3	Khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa (Khu T12 và mở rộng)	13,18	thị trấn Ái Nghĩa
4	Khu đô thị phía Tây sông Vu Gia	12,30	thị trấn Ái Nghĩa
5	Khu dân cư Trung An, thị trấn Ái Nghĩa	13,40	thị trấn Ái Nghĩa
6	Khu dân cư phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	49,90	thị trấn Ái Nghĩa
II	Huyện Thăng Bình	123,41	
7	Khu đô thị mới Tây đường ven biển Bình Dương	14,10	xã Bình Dương
8	Khu đô thị mới Tây Bắc Bình Minh	25,20	xã Bình Minh
9	Khu dân cư Trà Đóa 1, xã Bình Đào	10,03	xã Bình Đào
10	Khu dân cư nông thôn mới - chợ xã Bình Phục	13,90	xã Bình Phục
11	Khu đô thị mới Tây Bình Minh, xã Bình Minh	29,40	xã Bình Minh
12	Khu đô thị mới Đông Bình Minh, xã Bình Minh	20,19	xã Bình Minh
13	Khu đô thị mới Đông Bắc Hà Lam, thị trấn Hà Lam	10,59	thị trấn Hà Lam
III	Huyện Duy Xuyên	57,37	
14	Khu dân cư Nam Cửa Đại, xã Duy Nghĩa	19,70	xã Duy Nghĩa
15	Khu dân cư Duy Phước giai đoạn 1, xã Duy Phước	9,59	xã Duy Phước
16	Khu dân cư Duy Nghĩa, xã Duy Nghĩa	9,80	xã Duy Nghĩa
17	Khu dân cư Tây Khương, thị trấn Nam Phước và xã Duy Phước	3,53	thị trấn Nam Phước và xã Duy Phước

Stt	Tên dự án	Diện tích dự án (ha)	Địa điểm
18	Khu dân cư phố chợ Bàn Thạch giai đoạn 1, xã Duy Vinh	14,75	xã Duy Vinh
IV	Thành phố Tam Kỳ	8,14	
19	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại phường Hòa Thuận (An Hòa 1)	8,14	phường Hòa Thuận
V	Thành phố Hội An	38,30	
20	Khu dân cư Bàu Ốc Hạ, giai đoạn 1, xã Cẩm Hà	11,30	xã Cẩm Hà
21	Khu dân cư Trảng Kèo giai đoạn 2, xã Cẩm Hà	27,00	xã Cẩm Hà
VI	Huyện Quế Sơn	35,29	
22	Khu dân cư Đông Cầu Hương An, thị trấn Hương An	22,40	thị trấn Hương An
23	Khu dân cư Trung tâm xã Quế Xuân 1	4,19	xã Quế Xuân 1
24	Khu phố chợ Mộc Bài	8,70	xã Quế Phú
VII	Huyện Phú Ninh	6,60	
25	Khu phố chợ Chợ Lò, xã Tam Thái	6,60	xã Tam Thái
VIII	Huyện Nông Sơn	16,74	
26	Khu phố chợ Trung Phước, xã Quế Trung	9,85	xã Quế Trung
27	Khu dân cư Bắc Bàu Sen	6,89	xã Quế Trung
IX	Thị xã Điện Bàn	108,40	
28	Khu dân cư trung tâm hành chính Điện Phước	13,78	xã Điện Phước
29	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba, phường Vĩnh Điện	4,05	phường Vĩnh Điện
30	Khu dân cư Phong Thử 2, xã Điện Thọ	4,39	xã Điện Thọ
31	Khu dân cư Hà Đông, xã Điện Hòa	8,24	xã Điện Hòa
32	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	5,01	phường Điện An
33	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung giai đoạn 1	5,34	xã Điện Thắng Trung
34	Khu dân cư Phúc Thành, xã Điện Thắng Trung	8,50	xã Điện Thắng Trung
35	Khu đô thị ven sông Cổ Cò, phường Điện Dương	7,18	phường Điện Dương
36	Khu dân cư trung tâm hành chính Điện Phương	16,29	xã Điện Phương
37	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước	6,70	xã Điện Phước

Stt	Tên dự án	Diện tích dự án (ha)	Địa điểm
38	Khu dân cư đô thị Hà My Trung 1, phường Điện Dương	14,00	phường Điện Dương
39	Khu dân cư phố chợ Điện Minh, xã Điện Minh	5,47	xã Điện Minh
40	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1, xã Điện Thắng Nam	9,45	các xã Điện Thắng Nam, Điện Thắng Trung
B	Các dự án thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư để thực hiện thủ tục quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư		
	Tổng cộng	2.067,13	Đất ở bình quân khoảng 30% diện tích dự án: khoảng 620,1 ha
I	Huyện Duy Xuyên	252,69	
41	Khu dân cư Khối phố Long Xuyên 2	4,72	thị trấn Nam Phước
42	Khu dân cư Nam Cửa Đại 2, xã Duy Nghĩa (Khu dân cư thương mại dịch vụ chợ Núi Rang)	10,00	xã Duy Nghĩa
43.1	Phát triển nhà ở trong Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An	237,97	các xã Duy Hải, Duy Nghĩa
II	Huyện Đại Lộc	90,17	
44	Khu dân cư Giáo Đông	35,00	thị trấn Ái Nghĩa
45	Khu đô thị Hoà An, giai đoạn 1	9,68	thị trấn Ái Nghĩa
46	Khu đô thị sinh thái ven sông Vu Gia	28,70	thị trấn Ái Nghĩa
47	Khu dân cư Song Mỹ, thị trấn Ái Nghĩa	6,94	thị trấn Ái Nghĩa
48	Khu phố chợ Đại An	9,85	xã Đại An
III	Huyện Bắc Trà My	28,10	
49	Khu dân cư dọc tuyến Quốc lộ 40B	1,50	thị trấn Trà My
50	Khu dân cư phía Tây thị trấn Bắc Trà My	9,80	thị trấn Trà My
51	Khu dân cư Cánh Đồng Bàu	9,90	thị trấn Trà My
52	Khu dân cư Bắc sông Trường	6,90	thị trấn Trà My
IV	Huyện Tiên Phước	11,50	
53	Khu dân cư An Trung Bình Phước	5,80	thị trấn Tiên Kỳ
54	Khu dân cư bờ Tây sông Tiên	5,70	xã Tiên Cảnh
V	Huyện Phú Ninh	37,14	
55	Khu dân cư, thương mại Cây Xanh	10,06	xã Tam Dân
56	Khu đô thị mới Tây Yên	17,28	xã Tam Dân
57	Khu dân cư Vạn Long, xã Tam Dân	9,80	xã Tam Dân
VI	Thành phố Tam Kỳ	1.050,59	

Stt	Tên dự án	Diện tích dự án (ha)	Địa điểm
58	Khu dân cư và nhà ở thu nhập thấp phường Trường Xuân	9,70	phường Trường Xuân
59	Phát triển nhà ở trong Khu đô thị và cảnh quan hai bên đường Điện Biên Phủ, đoạn từ sông Kỳ Phú đến Quảng trường biển Tam Thanh	746,19	phường An Phú và các xã Tam Phú, Tam Thanh
60	Phát triển nhà ở trong Khu đô thị sinh thái ven sông Tam Kỳ	280,00	các phường Hoà Hương, An Phú và xã Tam Phú
61	Khu dân cư khối phố 5, phường Trường Xuân, giai đoạn 1	8,40	phường Trường Xuân
62	Khu dân cư khối phố 5, phường Trường Xuân, giai đoạn 2	6,30	phường Trường Xuân
VII	Thành phố Hội An	60,92	
63	Khu đô thị dịch vụ du lịch Đồng Nà	5,70	xã Cẩm Hà
64	Khu đô thị Đồng Nà Bến Trễ	9,74	xã Cẩm Hà
65	Khu đô thị phường Thanh Hà	12,50	phường Thanh Hà
66	Khu đô thị và dịch vụ thương mại phường Thanh Hà giai đoạn 1	18,40	phường Thanh Hà
67	Khu đô thị và du lịch sinh thái Bãi Bồi, phường Thanh Hà	9,93	phường Thanh Hà
68	Khu đô thị Vạn Phúc	4,65	phường Thanh Hà
VIII	Thị xã Điện Bàn	323,90	
69	Khu dân cư Cầu Hưng	11,14	phường Điện Nam Đông
70	Khu dân cư Hà Đê	3,96	phường Điện Nam Bắc
71	Khu dân cư Quảng Lãng giai đoạn 1	34,00	phường Điện Nam Trung
72	Khu dân cư Lạc Thành	14,50	xã Điện Hồng
73	Khu dân cư Trảng Chài	9,40	xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn
74	Khu dân cư đô thị Tứ Ngân 1, giai đoạn 1	19,00	phường Điện Ngọc
75	Khu dân cư đô thị Cổ An 4	3,00	phường Điện Nam Đông
76	Khu dân cư mới Quang Phường	9,80	xã Điện Hoà
77	Khu đô thị An Nam	9,90	các phường Điện An và Điện Nam Trung
78	Khu dân cư mới Phong Lục	18,60	xã Điện Thắng Nam
79	Khu dân cư đô thị Bình Ninh Quảng Lãng	19,50	phường Điện Nam Trung
80	Khu dân cư thương mại dịch vụ Phong Nhị mở rộng	9,04	phường Điện An
81	Khu dân cư số 1 mở rộng đô thị Điện Thắng	9,90	xã Điện Thắng Bắc

Stt	Tên dự án	Diện tích dự án (ha)	Địa điểm
82	Khu đô thị Bắc Vĩnh Điện	15,00	các phường Điện An, Điện Nam Trung
83	Khu dân cư Minh Phương	18,90	các xã Điện Minh, Điện Phương
84	Khu dân cư Bồng Lai	9,48	xã Điện Minh
85	Khu dân cư ven sông Bàu Sáu	9,80	xã Điện Hòa
86	Khu dân cư đô thị Câu Nhi	19,80	các xã Điện An, Điện Phước
87	Khu dân cư đô thị Phước An	19,70	các xã Điện An, Điện Phước
88	Khu đô thị Bình Ninh	9,80	Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc
89	KDC phố chợ Vĩnh Điện mở rộng giai đoạn 2	8,62	phường Điện An
90	Khu dân cư trung tâm Điện Hòa	9,80	xã Điện Hòa
91	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	4,96	phường Điện An
92	Khu dân cư đô thị Bình Ninh	6,50	phường Điện Nam Bắc
93	Khu dân cư mới La Thọ	19,80	xã Điện Hòa
IX	Huyện Quế Sơn	4,90	
94	Khu phố chợ Hương An mở rộng	4,90	thị trấn Hương An
X	Huyện Thăng Bình	186,56	
95	Khu đô thị phía Bắc tuyến đường Cây Cốc - Bình Minh, xã Bình Minh	99,00	xã Bình Minh
43.2	Phát triển nhà ở trong Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An	87,56	xã Bình Dương
XI	Huyện Tây Giang	3,66	
96	Khu dân cư dọc đường ĐT606 tại Km14	3,66	xã Atiêng
XII	Huyện Đông Giang	5,00	
97	Khu dân cư khu vực trung tâm đô thị sông Vàng	5,00	xã Ba
XIII	Huyện Nam Trà My	12,00	
98	Khu dân cư thôn 4, xã Trà Tập	9,00	xã Trà Tập
99	Khu dân cư kiểu mẫu dọc sông Tranh tuyến tránh Tắc Pô	2,00	xã Trà Mai
100	Khu dân cư tập trung tại ngã ba Tắc Nặm, thôn 1, Trà Mai	1,00	xã Trà Mai